

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 02-5-2019.

V/v: “*Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải.
2. Ông Nguyễn Ngọc Chín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1981. (Có mặt)
 2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước L, sinh năm 1979. (Có mặt)
- Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Lê Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tổ chức xây dựng gia đình vào năm 2005, có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 05/10/2005; việc kết hôn của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc vì nhiều nguyên nhân; anh L thường xuyên uống rượu, đánh bài, đá gà; thiếu trách nhiệm với gia đình và không quan tâm đến vợ con. Cho nên vợ

chồng luôn cãi nhau và anh đã nhiều lần có hành vi bạo lực với chị, dùng hung khí đe dọa chị nhưng vì con nên chị cố gắng chịu đựng, bỏ qua. Tuy nhiên, anh L vẫn không thay đổi. Đến nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Phước H, sinh ngày 06/7/2005 và Nguyễn Phước P, sinh ngày 08/7/2008. Khi ly hôn, chị nguyện vọng được nuôi 02 con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Chị C không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Phước L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C tự nguyện kết hôn và có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q N vào năm 2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh có chơi đá gà, đánh bài, nhậu nhẹt như chị C đã trình bày nhưng hằng tháng đi làm về anh đều đưa tiền cho chị C để lo gia đình nên việc chị C cho rằng anh thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ con là không đúng. Nay chị C cương quyết ly hôn anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Phước H, sinh ngày 06/7/2005 và Nguyễn Phước P, sinh ngày 08/7/2008. Khi ly hôn, anh L nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Phước P và giao con Nguyễn Phước H cho chị C nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh L không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Phước L và giao con chung cho

chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh Nguyễn Phước L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Nguyễn Phước L tại thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Q N; chị C yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q N ngày 05/10/2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xảy ra mâu thuẫn. Theo chị C, nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, đánh bài, đá gà; thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con và đã nhiều lần có hành vi bạo lực với chị, dùng hung khí đe dọa chị; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Anh L thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn như chị C đã trình bày. Tuy nhiên, chị C cho rằng anh thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ con là không đúng vì anh đi làm về đều đưa tiền cho chị C để lo gia đình.

Ngày 09/4/2019, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã Q nhưng UBND xã Q không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C và anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị C cương quyết ly hôn và anh L thống nhất ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm giữa chị C và anh L không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được và thực tế sau khi làm đơn ly hôn thì giữa chị C và anh L đã không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh L.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Anh L có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Phước P, giao con Nguyễn Phước H cho chị C nuôi dưỡng và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị C trình bày chị buôn bán tạp hóa và làm nghề Hương thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng đủ điều kiện để

nuôi hai con. Anh L trình bày anh làm nghề thợ hồ thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q ngày 09/4/2019 thì: “*chị C, anh L đều có công việc và thu nhập ổn định, chị C có nghề làm hương và bán tạp hóa, anh L làm nghề thợ hồ nên cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi con*”. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 06/7/2005 và Nguyễn Phước P, sinh ngày 08/7/2008 đều đã trên bảy tuổi nên cần phải xem xét nguyện vọng của các cháu và tại bản tự khai cháu Nguyễn Phước H và cháu Nguyễn Phước P đều muốn được ở với mẹ. Tại phiên tòa, anh L thừa nhận hằng ngày các con anh đều do chị C trực tiếp chăm sóc, anh thường đi làm xa nên ít có thời gian chăm con. Như vậy, xét về điều kiện làm việc và thời gian gần gũi, chăm sóc con thì chị C đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con hơn anh L. Hơn nữa, mặc dù cháu Huy và cháu Phú đều đã trên bảy tuổi nhưng vẫn cần rất nhiều sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; anh L thường đi làm xa, không đảm bảo thời gian để chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình xử giao cháu Nguyễn Phước H và cháu Nguyễn Phước P cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên tòa, chị C yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái và theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu của chị C là chính đáng. Tuy nhiên, xét điều kiện thu nhập và lời khai của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử có cơ sở buộc anh Nguyễn Phước L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng là phù hợp với quy định tại Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Phước L.

2. Về con chung:

Xử: Giao cháu Nguyễn Phước H, sinh ngày 06/7/2005 và Nguyễn Phước P, sinh ngày 08/7/2008 cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh Nguyễn Phước L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng tương đương 1.000.000 (*Một triệu*) đồng cho mỗi cháu một tháng để chị C nuôi hai con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006943 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Phước L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Minh, huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế

